

Hà Nội, ngày 7 tháng 10 năm 2015

Số: **3046** /QĐ-HVN

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác y tế trường học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế số 25/2008/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế Số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động của trạm y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2006/CT-TT ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác y tế trong các trường học;

Căn cứ Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học;

Căn cứ Quyết định 42/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo về ban hành Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về vệ sinh trường học;

Quyết định số 4128/2001/QĐ-BYT ngày 03 tháng 10 năm 2001 của Bộ Y tế Về việc ban hành Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại các nhà ăn, bếp ăn tập thể và cơ sở kinh doanh chế biến suất ăn sẵn;

Thông tư số 30/2012/TT – BYT của Bộ Y tế ngày 05 tháng 12 năm 2012 Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;

Nghị định số 46/CP ngày 06 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý nhà nước về Y tế;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015 – 2017;

Xét đề nghị của Trạm trưởng trạm y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về công tác y tế trường học áp dụng trong nội bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng ban Quản lý đào tạo, Trạm trưởng Trạm y tế, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
(đã ký)
Nguyễn Thị Lan

QUY ĐỊNH

VỀ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3046 /QĐ-HVN ngày 7 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về việc thực hiện các nội dung trong công tác y tế trường học, bao gồm: Hoạt động y tế trường học, công tác Bảo hiểm y tế, công tác Vệ sinh trường học, tài chính và hệ thống tổ chức công tác y tế trường học; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động (sau đây gọi tắt là CBVC) và người học; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng cho các đơn vị, CBVC và người học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện).

Điều 2. Mục đích - Yêu cầu

1. Mục đích

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBVC và người học của Học viện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế trường học của các đơn vị, CBVC và người học.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Học viện về công tác Y tế trường học.

- Đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và dân chủ trong các hoạt động của công tác này.

Chương II

CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Mục 1. HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Điều 3. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống và hành vi lối sống có hại cho sức khỏe.

2. Tuyên truyền phòng chống các bệnh tật học đường (bệnh cận thị, gù vẹo cột sống...). Hướng dẫn CBVC và người học trong công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, ma túy và các

tệ nạn xã hội khác, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế (BHYT).

Điều 4. Công tác quản lý và chăm sóc sức khỏe

1. Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong toàn khu vực Học viện, đảm bảo môi trường an toàn cho CBVC và người học làm việc và học tập.
2. Tổ chức thực hiện khám sức khỏe (KSK)
 - a. CBVC: Tổ chức thực hiện KSK định kỳ một lần vào tháng 10 hàng năm.
 - b. Sinh viên: Tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ và phân loại sức khỏe cho sinh viên hệ chính quy của Học viện vào đầu năm học thứ nhất và năm học thứ 3 của khóa học.
3. Tư vấn sức khỏe
Tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe cho CBVC và người học của Học viện.
4. Lưu trữ và quản lý hồ sơ y tế
 - Lưu trữ và quản lý kết quả KSK của CBVC và hồ sơ sức khỏe của người học.
 - Biên bản Kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, Kiểm tra vệ sinh trường học của Trung tâm y tế dự phòng TP Hà Nội; Biên bản Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP) của Học viện.
 - Phiếu kết quả xét nghiệm nước của Học viện.
 - Sổ sách báo cáo thống kê số liệu khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT).
5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBVC và người học, sơ cứu, cấp cứu, theo phân tuyến kỹ thuật.
6. Khám bệnh, chữa bệnh, cấp phát thuốc BHYT, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên theo quy định của Bộ Y tế trong những trường hợp cần thiết.

Điều 5. Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm

1. Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn tại Trung tâm Y tế dự phòng Hà Nội về công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh.
2. Xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác phòng chống dịch, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện để thực hiện.
3. Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm xảy ra trong khu vực Học viện với Trung tâm y tế huyện Gia Lâm (TTYTGL).
4. Phối hợp với TTYTGL và các đơn vị liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra trong khu vực Học viện.

Điều 6. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm hàng tuần tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực Học viện.
2. Phối hợp với TTYTGL kiểm tra VSATTP trước các sự kiện lớn của Học viện.
3. Phối hợp với TTYTDP TP Hà Nội kiểm tra VSATTP trước kỳ thi TN THPT Quốc gia hàng năm.
4. Phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm VSATTP.

Điều 7. Hoạt động Đoàn thể

Tổ chức cho người học tham gia các hoạt động vệ sinh, bảo vệ môi trường trong khu vực Học viện; các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

Mục 2. CÔNG TÁC BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 8. Đối tượng tham gia BHYT

1. CBVC đang làm việc tại Học viện.

2. Người học, bao gồm:

- Sinh viên hệ đào tạo chính quy
- Sinh viên hệ đào tạo vừa học vừa làm chưa tham gia BHYT
- Học viên cao học và nghiên cứu sinh chưa tham gia BHYT

Điều 9. Mức đóng BHYT

1. CBVC

Đóng 4,5% tiền lương tháng (Trong đó, Học viện đóng 3% và CBVC đóng 1,5%).

2. Người học

Đóng 4,5% mức lương cơ sở (Trong đó, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30%).

Điều 10. Quyền lợi của người tham gia BHYT

1. Được cấp thẻ BHYT khi đóng BHYT.

2. Lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KB, CB) BHYT ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật BHYT.

3. Được khám bệnh, chữa bệnh (KB, CB).

4. Được cơ quan bảo hiểm thanh toán chi phí KB, CB theo chế độ BHYT.

5. Yêu cầu cơ quan bảo hiểm, cơ sở KB, CB BHYT giải thích, cung cấp thông tin về chế độ BHYT.

Điều 11. Trách nhiệm của người tham gia BHYT

1. Đóng BHYT đầy đủ, đúng thời hạn.

2. Sử dụng thẻ BHYT đúng mục đích, không cho người khác mượn thẻ BHYT.

3. Thực hiện các quy định tại Điều 13 của Quy định này khi đi KB, CB.

4. Chấp hành các quy định và hướng dẫn của cơ quan bảo hiểm, cơ sở KB, CB.

5. Thanh toán chi phí KB, CB cho cơ sở KB, CB ngoài phần chi phí do quỹ BHYT chi trả.

Điều 12. Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh BHYT

1. Người tham gia BHYT khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ BHYT có ảnh; trường hợp thẻ BHYT chưa có ảnh thì phải xuất trình thẻ BHYT cùng với 1 loại giấy tờ chứng minh về nhân thân của người đó (CMTND, thẻ công chức, thẻ sinh viên,...).

2. Người tham gia BHYT trong thời gian chờ cấp lại thẻ, đổi thẻ BHYT khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy hẹn cấp lại thẻ, đổi thẻ BHYT do tổ chức BHXH nơi tiếp nhận hồ sơ cấp lại thẻ, đổi lại thẻ cấp (Giấy hẹn có thời hạn sử dụng trong 7 ngày kể từ ngày cấp) và 1 loại giấy tờ chứng minh về nhân thân của người đó.

3. Trường hợp chuyển tuyến điều trị, người tham gia BHYT phải xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều này và Giấy chuyển tuyến theo quy định của Bộ Y tế. Giấy chuyển tuyến xin tại nơi đăng ký KB, CB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.

4. Trường hợp cấp cứu, người tham gia BHYT được đến khám bệnh, chữa bệnh tại bất cứ cơ sở y tế nào và phải xuất trình thẻ BHYT cùng với giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó trước khi ra viện. Tình trạng cấp cứu do y, bác sĩ tiếp nhận người bệnh đánh giá, xác định và được ghi vào hồ sơ bệnh án.

5. Trường hợp đến khám lại theo yêu cầu điều trị tại cơ sở y tế tuyến trên, không qua cơ sở KB, CB ban đầu, người tham gia BHYT phải có giấy hẹn khám lại của cơ sở KB, CB cấp theo quy định và xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều này.

6. Người tham gia BHYT đi khám bệnh, chữa bệnh mà không phải tình trạng cấp cứu trong thời gian đi công tác, tạm trú; đi học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo thì được KB, CB ban đầu tại các cơ sở y tế cùng tuyến chuyên môn kỹ thuật hoặc tương đương với cơ sở đăng ký KB, CB ban đầu ghi trên thẻ BHYT, xuất

trình các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều này và 1 trong các giấy tờ sau: giấy công tác, quyết định cử đi học, giấy tờ minh chứng đăng ký tạm trú, giấy nhập học.

7. Trường hợp người tham gia BHYT có thời gian tham gia BHYT 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở, xuất trình thêm giấy chứng nhận không cùng chi trả trong năm do cơ quan BHXH cấp để được miễn phần cùng chi trả trong năm khi đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến.

Điều 13. Phạm vi được hưởng BHYT

1. Phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT

Người tham gia BHYT được quỹ BHYT chi trả các chi phí sau đây:

a. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khám thai định kỳ, sinh con;

b. Vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên đối với đối tượng thuộc hộ gia đình nghèo (thẻ BHYT hộ nghèo); người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội khó khăn (thẻ BHYT có mã vùng K1); người đang sinh sống tại vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn (thẻ BHYT có mã vùng K2); người đang sinh sống tại các xã đảo- huyện đảo (thẻ BHYT có mã vùng K3) trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật.

2. Mức hưởng BHYT

a. Người tham gia bảo hiểm y tế khi đi KB,CB theo quy định tại Điều 13 Quy định này thì được quỹ BHYT thanh toán chi phí KB,CB trong phạm vi được hưởng với mức hưởng như sau:

- 100% chi phí KB,CB đối với trường hợp chi phí cho 1 lần KB,CB thấp hơn mức do Chính phủ quy định (<15% mức lương cơ sở).

- 100% chi phí KB,CB đối với đối tượng có thẻ BHYT HN, thẻ có mã vùng K1, K2, K3.

- 100% chi phí KB,CB trong phạm vi được hưởng BHYT đối với người bệnh có thời gian tham gia BHYT 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí KB,CB trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở (trừ trường hợp tự đi KB,CB không đúng tuyến).

- 95% chi phí KB,CB đối với đối tượng tham gia BHYT thuộc hộ gia đình cận nghèo (thẻ BHYT CN).

- 80% chi phí KB,CB đối với các đối tượng tham gia BHYT là CBVC và người học khi chi phí khám chữa bệnh lớn hơn 15% mức lương cơ sở.

b. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng tham gia BHYT thì được hưởng quyền lợi BHYT theo đối tượng có quyền lợi cao nhất.

c. Trường hợp người có thẻ BHYT tự đi KB,CB không đúng tuyến được quỹ BHYT thanh toán theo mức hưởng quy định tại điểm a khoản này theo tỷ lệ như sau (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này):

- Tại bệnh viện tuyến trung ương là 40% chi phí điều trị nội trú

- Tại bệnh viện tuyến tỉnh là 60% chi phí điều trị nội trú từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2020; 100% chi phí điều trị nội trú từ ngày 01/01/2021 trong phạm vi cả nước.

- Tại bệnh viện tuyến huyện là 70% chi phí KB, CB từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015; 100% chi phí KB,CB từ ngày 01/01/2016.

d. Từ ngày 01/01/2016, người tham gia BHYT đăng ký KB,CB ban đầu tại trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện được quyền KB, CB BHYT tại trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện trong cùng địa bàn tỉnh có mức hưởng quy định tại điểm a khoản này.

e. Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại các xã đảo - huyện đảo khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến được quỹ BHYT thanh toán chi phí KB,CB đối với bệnh viện tuyến huyện, điều trị nội trú đối với bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương có mức hưởng theo quy định điểm a khoản này.

f. Trường hợp hết giai đoạn cấp cứu, người bệnh được chuyển đến khoa, phòng điều trị khác để tiếp tục theo dõi, điều trị hoặc chuyển tuyến KB,CB được thực hiện như quy định tại điểm a khoản này.

g. Trường hợp người bệnh được chuyển tuyến KB, CB, cơ sở y tế thực hiện KB,CB đối với các bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh ghi trên Giấy chuyển tuyến, mức hưởng BHYT theo quy định tại điểm a khoản này (trừ trường hợp các lần hen khám lại khi người bệnh sử dụng Giấy chuyển tuyến có giá trị trong năm tài chính).

3. Các trường hợp không được hưởng BHYT

- a. Điều dưỡng, an dưỡng tại cơ sở điều dưỡng, an dưỡng.
- b. Khám sức khỏe.
- c. Xét nghiệm, chẩn đoán thai không nhằm mục đích điều trị.
- d. Sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nạo hút thai, phá thai, trừ trường hợp phải đình chỉ thai nghén do nguyên nhân bệnh lý của thai nhi hay của sản phụ.
- đ. Sử dụng dịch vụ thẩm mỹ.
- e. Điều trị lác, cận thị và tật khúc xạ của mắt, trừ trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi.
- f. Sử dụng vật tư y tế thay thế bao gồm chân tay giả, mắt giả, răng giả, kính mắt, máy trợ thính, phương tiện trợ giúp vận động trong KB,CB và phục hồi chức năng.
- g. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng trong trường hợp thảm họa.
- h. Khám bệnh, chữa bệnh nghiện ma túy, nghiện rượu hoặc chất gây nghiện khác.
- i. Giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.
- k. Tham gia thử nghiệm lâm sàng, nghiên cứu khoa học.

MỤC 3. CÔNG TÁC VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Điều 14. Nội dung công tác vệ sinh trường học

1. Vệ sinh phòng học
2. Vệ sinh phòng thí nghiệm
3. Vệ sinh phòng thực hành
4. Vệ sinh trong học tập môn Giáo dục thể chất
5. Vệ sinh khu ký túc xá
6. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Điều 15. Yêu cầu vệ sinh phòng học

Yêu cầu vệ sinh phòng học theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Quyết định 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng bộ Y tế về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học.

Điều 16. Yêu cầu vệ sinh phòng thí nghiệm

1. Bảng nội quy của phòng thí nghiệm viết rõ ràng, cụ thể, đầy đủ và được treo ở nơi dễ đọc.

2. Chiều sáng đồng đều: từ 150 lux đến 200 lux.

3. Các đường dẫn điện, các ổ cắm điện... đảm bảo an toàn cho người học khi tiến hành làm thí nghiệm.

Điều 17. Yêu cầu vệ sinh phòng thực hành

1. Diện tích trung bình từ $1,5m^2$ đến $2m^2$ / người học. Riêng các xưởng thực hành kỹ thuật chuyên dụng (xưởng cơ khí, xưởng điện) thì diện tích bình quân là $3m^2 - 6m^2$ / người học.

2. Độ chiếu sáng đảm bảo theo yêu cầu chiếu sáng công nghiệp.

3. Xưởng phải cách xa phòng học.

4. Dụng cụ thực hành phải có kích thước phù hợp với tầm vóc người học.

5. Có bảng nội quy vệ sinh an toàn lao động và nội quy vận hành thiết bị máy móc.

Điều 18. Yêu cầu vệ sinh trong học tập môn Giáo dục thể chất

1. Thời khoá biểu

Chú trọng chế độ học tập vừa sức và hợp lý (Căn cứ vào tình trạng sức khoẻ của sinh viên). Về mùa hè nắng, nóng: giờ học nên tránh khoảng thời gian từ 11h -13h.

Thời gian nghỉ sau mỗi tiết học và giữa buổi học, người học phải ra khỏi nhà thể chất để thay đổi không khí và giảm bớt nồng độ khí CO₂ ở trong phòng.

Thời gian luyện tập từ 30 phút đến 45 phút.

2. Nhà tập luyện thể chất

a. Phải đảm bảo an toàn vệ sinh, thông gió thoáng khí.

b. Sàn nhà phải bằng phẳng, không trơn. Có đủ các trang bị bảo hộ lao động (đệm, dây bảo hiểm) để phòng chấn thương.

c. Các phương tiện luyện tập bảo đảm sạch sẽ và an toàn tuyệt đối. Trước khi luyện tập, giáo viên phải kiểm tra độ an toàn của các dụng cụ luyện tập.

d. Phải có buồng thay quần áo riêng cho nam, cho nữ.

3. Sân bãi tập

Yêu cầu vệ sinh sân bãi tập theo quy định tại Điều 19 của Quyết định 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng bộ Y tế về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học.

Điều 19. Yêu cầu vệ sinh khu ký túc xá (KTX)

1. Thiết kế KTX theo quy định tại Mục 3.59, 3.60, 3.61, 3.62, 3.63 của TCVN 3981:1985 về Tiêu chuẩn thiết kế trường đại học.

2. Phải có nội quy về trật tự, vệ sinh.

3. Được cung cấp đủ nước sạch để sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt.

4. Phải có thùng chứa rác theo quy định để thu gom rác thải hàng ngày và chuyển tới nơi quy định.

5. Có hệ thống cống dẫn nước rửa, nước thải trong sinh hoạt đổ vào hệ thống cống chung.

Điều 20. Yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Vệ sinh nguồn nước

a. Nước uống: Tại các khu công sở, giảng đường và khu KTX có đủ nước uống tinh lọc (theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 6-1:2010/BYT) hoặc nước ăn uống qua lọc (theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 01:2009/BYT) phải được khuyến cáo đun sôi trước khi ăn uống.

b. Nước sinh hoạt: Cung cấp đủ nước sinh hoạt cho khu công sở, giảng đường và khu KTX phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 02:2009/BYT.

c. Các nguồn nước trên phải được kiểm tra chất lượng, vệ sinh hàng tháng tại TTYTDP huyện Gia Lâm và 6 tháng/1 lần tại TTYTDP TP Hà Nội và các thời điểm đột xuất theo yêu cầu của TTYTDP TP Hà Nội.

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm

a. Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

- Vị trí bếp ăn phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường và phải cách biệt với nhà vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác.

- Bếp ăn phải được thiết kế và tổ chức theo nguyên tắc 1 chiều: Khu vực tập kết, bảo quản và xử lý thực phẩm tươi sống, nguyên liệu → khu vực chế biến → khu vực bán thức ăn đã chế biến. Bếp ăn phải được thiết kế, xây dựng bằng vật liệu không thấm nước, dễ vệ sinh.

- Phòng ăn, bàn ăn, bàn chế biến thực phẩm, nơi bảo quản thực phẩm phải giữ vệ sinh sạch sẽ.

- Thùng chứa thức ăn thừa, chứa rác phải có nắp đậy, không để rơi vãi ra xung quanh và nước rò rỉ ra ngoài. Rác phải được tập chung xa nơi chế biến, phòng ăn và phải được chuyển đi hàng ngày.

- Cống rãnh khu vực bếp ăn phải thông thoát, không ứ đọng và phải có nắp đậy.

- Bếp ăn phải có đủ nước sử dụng để chế biến thức ăn (phù hợp với QCVN số 01:2009/BYT), nước sơ chế nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, rửa tay (phù hợp với QCVN số 02:2009/BYT). Đá sử dụng trong pha chế đồ uống phải được sản xuất từ nguồn nước phù hợp với QCVN số 01:2009/BYT. Dụng cụ chứa nước phải được thau rửa thường xuyên.

b. Vệ sinh đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

- Chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến thực phẩm, phục vụ ăn uống của các cơ sở dịch vụ ăn uống được Học viện cho phép hoạt động phải được tập huấn và được cấp giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định, được khám sức khỏe và được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế. Việc khám sức khỏe do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

- Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép trực tiếp chế biến thực phẩm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quy trình chế biến thực phẩm.

- Người trực tiếp chế biến thực phẩm, phục vụ ăn uống phải có trang phục riêng hoặc đeo tạp dề, phải tuân thủ các quy định về thực hành đảm bảo vệ sinh: giữ móng tay ngắn, không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực kinh doanh ăn uống.

- Phải dùng dụng cụ chia thức ăn, không dùng tay để bốc, chia thức ăn chín.

c. Đối với dụng cụ

- Các dụng cụ dùng cho ăn uống phải được rửa sạch và giữ khô.

- Các đồ dùng để chứa nguyên liệu, thức ăn phải giữ sạch, không để xuống đất, chỗ bẩn.

- Các dụng cụ phục vụ chế biến khi dùng xong phải được cọ rửa ngay và để nơi sạch sẽ. Mặt bàn chế biến phải làm từ vật liệu không thấm nước và dễ lau sạch, phải có dao thớt riêng cho thực phẩm chín và sống.

- Chỉ dùng các chất tẩy rửa được phép sử dụng trong sinh hoạt và chế biến thực phẩm, không dùng chất tẩy rửa công nghiệp.

d. Vệ sinh trong chế biến, bảo quản thực phẩm

- Vệ sinh nguồn cấp nước: Cơ sở tự gửi mẫu nước đến TTYT dự phòng Hà Nội để kiểm nghiệm ít nhất 6 tháng/lần. Nếu được thông báo đang trong vùng có dịch tiêu hóa tối nguy hiểm thì kiểm nghiệm 1 lần/tháng, đồng thời xử lý khử khuẩn nguồn nước theo quy định của ngành Y tế.

- Nghiêm cấm sử dụng các loại phụ gia thực phẩm, phẩm màu không nằm trong danh mục phụ gia thực phẩm do Bộ Y tế quy định.

- Không dùng thực phẩm ôi thiu, thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhiễm bệnh để chế biến thức ăn.

- Thức ăn đã nấu chín phải được che đậy hoặc được bảo quản trong tủ lưới để chống ruồi, bụi và các côn trùng gây nhiễm bệnh.

- Các loại rau quả tươi phải được ngâm kỹ và rửa ít nhất 3 lần nước sạch hoặc được rửa dưới vòi nước chảy.

e. Hợp đồng trách nhiệm: Giữa cơ sở làm dịch vụ ăn uống với người cung cấp thực phẩm về đảm bảo an toàn thực phẩm.

f. Theo dõi nguồn gốc thực phẩm: Cơ sở kinh doanh ăn uống phải có sổ ghi chép theo dõi hàng ngày về nguồn gốc xuất xứ các thực phẩm, lưu mẫu thức ăn đã chế biến trong 24h và thực đơn.

g. Vệ sinh an toàn thực phẩm khu chợ: Trạm Y tế phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện để thực hiện kiểm tra.

h. Xử lý ngộ độc thực phẩm: Khi có hiện tượng ngộ độc thực phẩm, chủ cơ sở kinh doanh ăn uống phải báo ngay cho Trạm Y tế Học viện và giữ lại mẫu thực phẩm lưu, thức ăn thừa, để gửi cho TTYTGL xét nghiệm tìm nguyên nhân. Chủ cơ sở có loại thực phẩm gây ngộ độc phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành vi sai phạm và hậu quả do ngộ độc thực phẩm gây ra.

Chương III

TÀI CHÍNH

Điều 21. Nguồn kinh phí

Kinh phí cho công tác Y tế trường học của Học viện từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Học viện.
2. Kinh phí từ BHYT: gồm kinh phí trích lại của quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu và quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT.
3. Kinh phí từ BHXH: Thanh toán chế độ thai sản đối với người đóng BHXH.

Điều 22. Sử dụng kinh phí

1. Nội dung chi

a. Theo Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học.

b. Theo Hợp đồng KB, CB hàng năm giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam với cơ quan BHXH Việt Nam.

2. Định mức chi

a. Chi theo định mức của BHYT: bao gồm

- Chi các hoạt động chuyên môn: Chăm sóc, bảo vệ và tư vấn sức khỏe; hoạt động truyền thông GDSK; tập huấn chuyên môn CBYT, kiểm tra vệ sinh học đường.

- Chi phí KB, CB.

- Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế.

b. Chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện: Các khoản chi còn lại.

Chương IV

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC Y TẾ CỦA HỌC VIỆN

Điều 23. Hội đồng sức khỏe Học viện

1. Thành lập

Do Giám đốc ra Quyết định thành lập theo nhiệm kỳ, bao gồm các thành phần: Đại diện Ban Giám đốc làm chủ tịch hội đồng, đại diện Ban chấp hành Công đoàn Học viện làm Phó chủ tịch Hội đồng, thường trực là Trưởng Trạm Y tế Học viện, các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan trực thuộc Học viện.

2. Chức năng

Hội đồng sức khỏe Học viện có trách nhiệm tư vấn và giúp Giám đốc Học viện về công tác y tế của Học viện.

Điều 24. Trạm Y tế

1. Cơ cấu tổ chức

a. Lãnh đạo Trạm có Trạm trưởng và các Phó Trạm trưởng do Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm theo quy định.

b. Trạm trưởng điều hành hoạt động của Trạm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện và trước pháp luật về hoạt động của Trạm; bố trí tổ công tác/viên chức phù hợp với nhiệm vụ được giao và đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Phó Trạm trưởng giúp Trạm trưởng phòng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Trạm trưởng và chịu trách nhiệm trước Trạm trưởng, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

d. Viên chức trong Trạm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn do Trạm trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Trạm trưởng, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Chức năng

Tham mưu và giúp Giám đốc Học viện trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, giáo dục chăm sóc sức khỏe cho CBVC và người học; công tác vệ sinh, phòng dịch trong Học viện; tổ chức dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của Giám đốc Học viện

1. Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác y tế của Học viện
2. Phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân trong công tác y tế của Học viện

Điều 26. Trách nhiệm của Hội đồng sức khỏe Học viện

1. Quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác Y tế trường học.
2. Xây dựng quy định về công tác y tế của Học viện trình Giám đốc phê duyệt.
3. Chỉ đạo, giám sát các hoạt động trong công tác y tế của Học viện.
4. Xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, đánh giá công tác y tế trong từng năm học.

Điều 27. Trách nhiệm của Trạm Y tế

1. Tham mưu cho Giám đốc Học viện trong việc xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hoạt động cho công tác Y tế trường học của từng năm học; Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Y tế trường học hàng năm theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho CBVC và người học theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe như các biện pháp tự chăm sóc sức khỏe, phòng và điều trị các bệnh thông thường. Phối hợp với Ban CTCT và CTSV tuyên truyền về trách nhiệm và quyền lợi của người tham gia BHYT trong sinh viên. Hướng dẫn cho người tham gia BHYT về trình tự, thủ tục cần thiết khi đi khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, chuyển tuyến và giải quyết các chế độ BHYT.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong Học viện tổ chức các hoạt động Y tế trường học: Vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường; phòng chống dịch bệnh, bệnh tật học đường; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng chống tai nạn, thương tích; phòng chống HIV/AIDS, ma túy và các tệ nạn xã hội khác; xây dựng môi trường học tập và làm việc lành mạnh, an toàn.

5. Phối hợp với cơ sở y tế tại địa phương, ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện các hoạt động Y tế trường học và các hoạt động y tế khác.

6. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được trích lại từ quỹ Chăm sóc sức khỏe ban đầu và quỹ Khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ xử lý các trường hợp người học vi phạm quy định về công tác Y tế trường học.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

9. Thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả triển khai công tác Y tế trường học theo quy định.

Điều 28. Công đoàn Học viện

1. Giám sát các đơn vị chức năng trong Học viện về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác Y tế của Học viện.

2. Phối hợp với Trạm Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBVC.

Điều 29. Ban Tổ chức cán bộ

1. Là đầu mối tổ chức thực hiện công tác BHYT theo luật BHYT cho CBVC, bao gồm: đăng ký làm thẻ; hướng dẫn làm thủ tục khi sửa thẻ, mất thẻ BHYT, đăng ký KB,CB ban đầu; nhận và phát thẻ BHYT.

2. Hướng dẫn và giải quyết các chế độ chính sách liên quan đến sức khỏe CBVC tham gia BHYT.

Điều 30. Ban CTCT và CTSV

1. Là đầu mối tổ chức thực hiện công tác BHYT theo luật BHYT cho người học, bao gồm: đăng ký làm thẻ; hướng dẫn làm thủ tục khi sửa thẻ, mất thẻ BHYT; nhận và phát thẻ BHYT.

2. Phối hợp với Trạm Y tế trong công tác truyền thông GDSK.

3. Là đầu mối trong việc giải quyết thủ tục các trường hợp liên quan đến sức khỏe bất thường (tai nạn, tử vong,...) của người học.

Điều 31. Ban Tài chính và Kế toán

1. Phối hợp với Ban CTCT&CTSV, Ban TCCB và Ngân hàng, thu tiền BHYT cho CBVC và người học.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch dự toán ngân sách cho công tác Y tế trường học theo kế hoạch đã được Giám đốc Học viện phê duyệt.

3. Hướng dẫn Trạm y tế về công tác thanh, quyết toán các kinh phí thực hiện công tác y tế của Học viện.

4. Chịu trách nhiệm giải quyết kinh phí về công tác y tế theo Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học và Hợp đồng KB,CB hàng năm giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam với cơ quan BHXH Việt Nam.

5. Quyết toán chi phí công tác y tế của Học viện với cơ quan BHXH huyện Gia Lâm.

Điều 32. Ban quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư

1. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác Y tế trường học.

2. Phối hợp với Ban Tài chính và Kế toán, Trạm Y tế xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị, vật tư y tế trình Giám đốc Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Phối hợp với Trạm Y tế đảm bảo vệ sinh, an ninh nguồn nước.

4. Đảm bảo nguồn điện, nước cho hoạt động y tế của Học viện.

Điều 33. Ban Quản lý đào tạo

1. Phối hợp với Trạm Y tế trong việc lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho người học hệ đào tạo chính quy vào đầu năm học thứ nhất và năm học thứ 3 của khóa học.

2. Xếp Thời khóa biểu đảm bảo đáp ứng yêu cầu vệ sinh trong môn học Giáo dục thể chất.

3. Tham gia kiểm tra và đảm bảo các điều kiện về vệ sinh học đường.

Điều 34. Văn phòng Học viện

1. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện trong công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

2. Tham gia kiểm tra VSATTP các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực Học viện.

Điều 35. Trung tâm Dịch vụ trường học

1. Ký túc xá

Quản lý ký túc xá sinh viên theo quy định hiện hành; bố trí phòng ở cho sinh viên trong ký túc xá đảm bảo khoa học, thuận lợi cho công tác quản lý của Học viện và học tập của sinh viên; hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt nội quy ký túc xá; đảm bảo trật tự an ninh, môi trường sinh hoạt và giáo dục lành mạnh; đẩy mạnh phong trào tự quản trong sinh viên.

2. Giảng đường

a. Sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Tổ chức thực hiện tốt các dịch vụ giảng đường: nước, ánh sáng, thiết bị, âm thanh, vệ sinh.

b. Thông báo kịp thời yêu cầu về việc sửa chữa giảng đường, trang thiết bị phục vụ giảng đường cho các đơn vị chức năng.

c. Thực hiện vệ sinh công cộng khu vực giảng đường.

3. Vệ sinh môi trường

Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan khu vực công đảm bảo sự văn minh sạch đẹp và an toàn.

Điều 36. Trung tâm Giáo dục Thể chất & Thể thao

1. Xây dựng, đảm nhiệm chương trình giảng dạy giáo dục thể chất theo kế hoạch cho các đối tượng đào tạo của Học viện.

2. Chuẩn bị chu đáo nội dung, phương pháp, hình thức, các điều kiện để đảm bảo thực hiện giảng dạy môn GDTC có chất lượng.

3. Phối hợp với Trạm Y tế để có kế hoạch sắp xếp môn học GDTC phù hợp với tình trạng sức khỏe đối với người học có sức khỏe yếu.

4. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, giữ gìn sức khỏe cho người học trong quá trình tập luyện và thi đấu thể thao.

5. Phối hợp với Công đoàn Học viện và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện có kế hoạch triển khai các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa và rèn luyện thân thể, tổ chức cho CBVC và người học tham gia các giải thi đấu thể thao, các hoạt động tăng cường sức khỏe.

Điều 37. Các Khoa

1. Phối hợp với các đơn vị trong Học viện thực hiện công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý.

2. Khuyến khích, động viên để CBVC tham gia KSK định kỳ hàng năm.

Điều 38. Quyền lợi và trách nhiệm của CBVC và người học

1. Quyền lợi

a. CBVC và người học được chăm sóc, tư vấn các vấn đề sức khỏe và hưởng các dịch vụ y tế như sơ cấp cứu khi ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tích; được khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo phân tuyến kỹ thuật; được đảm bảo an toàn vệ sinh ăn uống, vệ sinh phòng chống dịch bệnh trong khu vực Học viện.

b. Được tham gia BHYT theo luật BHYT.

2. Trách nhiệm

a. CBVC và người học phải tham gia các hoạt động trong công tác Y tế trường học của Học viện.

b. Người học phải tự rèn luyện để có nếp sống lành mạnh, tham gia phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội. Người học tuyệt đối không sử dụng ma túy.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật

1. Các phòng, khoa, ban chức năng và các đơn vị liên quan theo thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác y tế trường học.

2. Các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác y tế trường học được xét khen thưởng theo quy định.

3. Các tập thể, cá nhân vi phạm quy định về công tác y tế trường học tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản thi hành

Trường các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ viên chức và sinh viên để thống nhất thực hiện trong toàn Học viện. Các đơn vị và cá nhân phải nghiêm chỉnh thực hiện, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật và theo quy định của Học viện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Trạm y tế báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định. Mọi quy định trước đây của Học viện trái với văn bản này đều bị bãi bỏ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
(đã ký)
Nguyễn Thị Lan